

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án: Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn);

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 519/BC-SKHĐT ngày 27/7/2022, đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1103/SGTVT-GT ngày 25/7/2022 và Văn bản số 57/TTr-SGTVT ngày 26/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn), với nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt dự án đầu tư

a. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

b. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn) nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạn chế chia cắt giao thông khi xảy ra mưa, lũ; tăng cường khả năng kết nối hệ thống đường giao thông nông thôn với các tuyến đường tỉnh, phục vụ việc lưu thông được thuận lợi, an toàn, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trên địa bàn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.

c. Phạm vi đầu tư: Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn) với điểm đầu tại Km0+00 (giao với tuyến ĐT.629 tại Km24+00), điểm cuối Km38+100 (xã An Toàn). Tổng chiều dài tuyến khoảng $L = 38,10$ km.

d. Quy mô đầu tư xây dựng

- Đoạn 1, từ đầu tuyến (giao với tuyến ĐT.629) đến cầu Bến Nhơn, dài $L=0,45$ km: Tận dụng nền, mặt đường hiện trạng, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng cục bộ và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa trên toàn mặt đường cũ.

- Đoạn 2, từ cầu Bến Nhơn đến Km6+00, dài $L = 5,55$ km: Đầu tư nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến đạt đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005).

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 6,5$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 5,5$ m.

- Riêng đoạn qua trung tâm xã An Quang xây dựng đạt đường cấp III miền núi (TCVN 4054:2005) có $B_{\text{mặt}}/B_{\text{nền}} = 7,5/9,0$ m.

- Xây dựng mới cầu Sông Xang tại Km5+660,2 và xây dựng công trình thoát nước phù hợp với khổ nền đường.

- Đoạn 3, từ Km6+00 đến cuối tuyến Km38+100; dài $L = 32,10$ km: Sửa chữa, gia cố cục bộ mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước bị hư hỏng, lè đường một số đoạn tuyến có độ dốc lớn; gia cố mái taluy tại Km14+400 và Km35+550 bị sạt lở do mưa, lũ và điều chỉnh hướng tuyến cục bộ một số đoạn đường cong (kết hợp bố trí điểm dừng xe tại vị trí Cổng Trời Km15+600) để đảm bảo an toàn giao thông.

đ. Giải pháp thiết kế

- *Nền đường*: Tận dụng nền đường hiện trạng, chỉ đắp bù phụ nền, lề đường, mái taluy bị xói lở bằng đất cấp đồi đầm chặt K95, mái taluy nền đắp $m = 1,5$.

- *Kết cấu xây dựng, sửa chữa mặt đường*:

+ Đối với đoạn 1 từ đầu tuyến đến cầu Bến Nhơn và đoạn 2 từ cầu Bến Nhơn đến Km6+00: Tiến hành sửa chữa mặt đường bị hư hỏng cục bộ và xây dựng mở rộng mặt đường bằng lớp BTXM M250 đá $D_{max} = 40\text{mm}$ dày 20cm, sau đó bù vênh và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm trên toàn bộ mặt đường.

+ Đối với sửa chữa mặt đường hiện trạng bị hư hỏng trong phạm vi đoạn 3, từ Km6+00 đến cuối tuyến Km38+100: Tiến hành đào kết cấu mặt đường bị hư hỏng và đổ lớp BTXM M300 đá $D_{max} = 40\text{mm}$ dày 20cm.

- *Công trình thoát nước*:

+ Xây dựng mới cầu Sông Xang tại Km5+660,2 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu BTCT dự ứng lực và BTCT (theo TCVN 11823:2017).

.Tần suất thiết kế $P = 2\%$.

.Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp giản đơn dài $L = 24\text{m}$, dạng dầm chữ I bằng BTCT dự ứng lực. Mặt cắt ngang gồm 04 dầm, cự ly tim dầm $a = 190\text{cm}$, chiều cao dầm $H_d = 145\text{cm}$. Lớp BTCT liên kết bản được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu $B_c = 7\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 8\text{m}$.

.Mô cầu dạng chữ U bằng BTCT đặt trên nền tự nhiên có hệ cọc ray kép.

.Trụ cầu dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT đặt trên nền tự nhiên có hệ cọc ray kép.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Xây dựng mới cầu bản hộp tại Km5+480 dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu BTCT.

.Tần suất thiết kế $P = 4\%$.

.Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp $L_o = 6\text{m}$.

.Bề rộng cầu $B_c = 6,5\text{m}$.

.Mô trụ cầu bằng BTCT đặt trên nền tự nhiên.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Cống thoát nước ngang: Toàn tuyến xây dựng mới 02 cống hộp các loại: 01 cống hộp (2mx1,7m), 01 cống hộp (4mx3,4m) bằng BTCT, đặt trên nền tự nhiên. Xây dựng nối đốt các cống BTLT hiện trạng phù hợp với khổ đường.

+ Rãnh thoát nước: Xây dựng rãnh thoát nước dọc bằng BTCT và BT.

+ Sửa chữa khe co giãn cầu Bến Nhơn: Thay thế 14 khe co giãn cầu Bến Nhơn bị hư hỏng.

+ Gia cố mái taluy:

.Đối với các đoạn nền đường xung yếu thông thường: Bằng BTXM M200 đá $D_{max} = 20\text{mm}$ dày 12cm, bên dưới là lớp VXM và lớp đệm đá 4x6 đầm chặt; chân khay bằng bê tông M200 đá $D_{max} = 40\text{mm}$.

.Đối với các đoạn nền đường bị sạt lở nặng do mưa, lũ: bằng kết cấu khung BTCT và tấm lát BTCT; chân khay bằng bê tông M200 đá Dmax = 40mm và kết hợp xây dựng các hố tiêu năng.

+ Xây dựng hệ thống cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan, vạch sơn, đèn đi chậm theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

e. Phạm vi giải phóng mặt bằng: tính từ mép ngoài của taluy hoặc công trình đường bộ trở ra mỗi bên 1m và không bố trí tái định cư.

g. Địa điểm xây dựng: Huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

h. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình giao thông cầu, đường bộ, dự án nhóm C, công trình cấp IV.

i. Tổng mức đầu tư dự án: 79.722.383.000 đồng (Bảy mươi chín tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	:	4.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	62.254.356.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	1.258.104.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	3.074.609.000	đồng;
- Chi phí chi khác	:	2.244.781.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	6.890.533.000	đồng.

k. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

l. Nguồn vốn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

m. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

n. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND huyện An Lão chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn).

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh).

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	1.047.176	Theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III/2022	Trọn gói	15 ngày
2	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	129.579		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	05 ngày
3	Toàn bộ khối lượng cắm cọc giải phóng mặt bằng	228.465		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày
4	Bảo hiểm xây dựng công trình	232.806		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III, Quý IV/2022	Trọn gói	Theo thời gian thi công
5	Khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, dự toán và tổ chức thi công rà phá bom mìn vật nổ	300.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Giám sát thi công rà phá bom mìn vật nổ	10.000	Theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày
7	Khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	250.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	45 ngày
8	Đo xác định rừng và trồng rừng thay thế	300.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày
9	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1.413.796		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, Quý IV/2022	Trọn gói	Theo thời gian thi công
10	Toàn bộ khối lượng xây dựng công trình	68.632.688 (Trong đó: Chi phí xây dựng: 62.254.356; chi phí hạ tầng trạm trộn: 203.139; chi phí đảm bảo giao thông: 128.166; chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh: 3.755.140; chi phí dự phòng do trượt giá: 2.291.887).		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, Quý IV/2022	Theo đơn giá điều chỉnh	18 tháng
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 72.544.510.000 đồng <i>(Bảy mươi hai tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng)./.</i>								